

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-PT
Ngày 18-3-2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Bà Trần Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2026/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng có kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q (Q1), sinh ngày 15/6/1979; Căn cước công dân số: 030079014953 do Bộ C cấp ngày 29/12/2024. ĐKKHKT và hiện trú tại: Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng; Có mặt;

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh ngày 01/5/1985; Căn cước công dân số: 030185022405 do Bộ C cấp ngày 07/5/2025. ĐKKHKT: Thôn A, xã C, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã L, thành phố Hải Phòng; Có mặt;

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; ĐKKHKT và hiện trú tại: Thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt;

- Người kháng cáo: Chị Trịnh Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày: Anh và chị Trịnh Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 20/01/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015, do anh và chị M vi phạm pháp luật, cả phải đi chấp hành án phạt tù, anh phải chịu mức án 18 năm tù, còn chị M chịu mức 10 năm tù. Được sự khoan hồng của Nhà nước nên chị M được đặc xá vào năm 2021, còn anh được đặc xá vào ngày 02/9/2025. Sau khi được đặc xá về địa phương chị M không sống tại nhà của vợ chồng mà đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sống đến nay. Tháng 9/2025, anh về địa phương nhưng chị M và các con không về nhà mà vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ. Anh có đến tìm và bảo chị M đưa các con về nhà sống nhưng chị M không đồng ý. Anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có ba con chung là Phạm Thị Lan A, sinh ngày 06/11/2006; Phạm Minh Q1, sinh ngày 21/12/2007 và Phạm Hải S, sinh ngày 14/01/2009. Hiện nay cả ba con chung đều đang sống cùng với chị M. Cháu Lan A và cháu Q1 hiện đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu S, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nên anh nhất trí để chị M nuôi dưỡng cháu S, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Trịnh Thị M trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Q về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q không chăm lo cho vợ con, gia đình. Chị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Q không thay đổi. Tháng 9 năm 2025, sau khi chấp hành án xong về địa phương, vợ chồng lại phát sinh bất đồng về việc làm ăn nên chị và anh Q sống ly thân. Đến ngày 26 tháng 10 năm 2025, anh Q xin ly hôn với chị; chị đồng ý ly hôn với điều kiện anh Q cấp dưỡng nuôi con S 8.000.000đ/ tháng.

Với nội dung trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Q được ly hôn chị Trịnh Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hải S, sinh ngày 14/01/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu S trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.700.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2026 đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị Trịnh Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trịnh Thị M có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý về việc cấp dưỡng cho cháu S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Phạm Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trịnh Thị M.

- Bị đơn chị Trịnh Thị M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng đã tuyên mức cấp dưỡng 2.700.000đồng/tháng là phù hợp. Chị M không xuất trình chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là chị Trịnh Thị M có đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, xét xử phúc thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Trịnh Thị M không đồng ý về phần cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con đối với cháu S với mức 5.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ thời điểm Tòa án giải quyết xong vụ án đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

[3] Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thu thập chứng cứ xem xét thu nhập thực tế của anh Q là lao động tự do, thu nhập không ổn định mới được đặc xá về địa phương. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét mức lương tối thiểu vùng và ấn định mức cấp dưỡng 2.700.000đ/ tháng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù nguyện vọng của chị yêu cầu anh Q tăng tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị M không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị M.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn chị Trịnh Thị M không được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trịnh Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Hải S, sinh ngày 14/01/2009 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu S trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.700.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2026 đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001825 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 - Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND Khu vực 11 - TP. Hải Phòng
- Phòng THADS khu vực 11 - TP. Hải Phòng;
- UBND x.Chí Minh, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng Huy

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu Trần Minh Phương

Bùi Đăng Huy

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND Khu vực 7-TP. Hải Phòng
- Phòng THA khu vực 7-TP. Hải Phòng;
- UBND phường Vĩnh Lộc, tỉnh Nghệ An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đăng Huy

